

PHỤ LỤC 01

**Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức
đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2025
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cấp Sở)**
(kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	Sở Xây dựng	89,39	10,61	0	0	0	97,88
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	85	13,33	1,67	0	0	96,67
3	Sở Ngoại vụ	77,78	22,22	0	0	0	95,56
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	81,06	15,15	3,79	0	0	95,45
5	Sở Y tế	76,19	22,62	1,19	0	0	95
6	Sở Nội vụ	76,85	19,44	3,7	0	0	94,63
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	75	20,56	3,89	0,56	0	94
8	Sở Tài chính	70,67	24	5,33	0	0	93,07
9	Sở Công Thương	75,29	18,97	3,45	0	2,3	92,99
10	Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế	67,31	25	7,69	0	0	91,92
11	Sở Khoa học và Công nghệ	60,26	34,62	5,13	0	0	91,03
12	Sở Tư pháp	60	30	8,33	1,67	0	89,67
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	45,83	54,17	0	0	0	89,17
Trung bình		72,36	23,90	3,40	0,17	0,18	93,62

PHỤ LỤC 02

**Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức
đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2025
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cấp xã)**
(kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày.....tháng....năm 2026)

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	UBND xã Long Hà	96,11	3,89	0	0	0	99,22
2	UBND xã Lộc Hưng	93,75	6,25	0	0	0	98,75
3	UBND phường An Lộc	93,48	6,52	0	0	0	98,7
4	UBND xã An Viễn	92,22	6,67	1,11	0	0	98,22
5	UBND xã Phú Lý	89,44	10,56	0	0	0	97,89
6	UBND phường Bình Long	90,56	8,33	1,11	0	0	97,89
7	UBND phường Chơn Thành	87,78	12,22	0	0	0	97,56
8	UBND xã Bù Đăng	87,3	12,7	0	0	0	97,46
9	UBND xã Bình Minh	91,07	6,55	0,6	1,79	0	97,38
10	UBND phường Phước Bình	87,78	11,11	1,11	0	0	97,33
11	UBND xã Xuân Đông	87,22	11,67	1,11	0	0	97,22
12	UBND xã Nhơn Trạch	90	6,11	2,78	1,11	0	97
13	UBND xã Xuân Hòa	85,56	13,89	0,56	0	0	97
14	UBND xã Lộc Quang	83,33	16,67	0	0	0	96,67
15	UBND xã Đăk Ố	87,78	7,78	4,44	0	0	96,67
16	UBND xã Xuân Bắc	83,33	16,67	0	0	0	96,67
17	UBND xã Bù Gia Mập	89,88	6,55	0,6	1,79	1,19	96,43
18	UBND xã Nghĩa Trung	84,13	12,7	3,17	0	0	96,19
19	UBND phường Phước Long	81,55	17,26	1,19	0	0	96,07
20	UBND xã Phước Thái	84,44	12,22	2,22	1,11	0	96
21	UBND phường Đồng Xoài	81,67	16,11	1,67	0,56	0	95,78
22	UBND xã Hưng Phước	79,82	18,42	1,75	0	0	95,61
23	UBND phường Bình Lộc	78,21	20,51	1,28	0	0	95,38
24	UBND xã Thọ Sơn	76,67	23,33	0	0	0	95,33
25	UBND xã Bàu Hàm	77,78	20,14	2,08	0	0	95,14
26	UBND xã Bình Tân	76,92	21,79	1,28	0	0	95,13

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
27	UBND xã Thiện Hưng	78,33	18,89	2,78	0	0	95,11
28	UBND phường Minh Hưng	79,41	16,67	3,92	0	0	95,1
29	UBND xã Bình An	81,88	11,59	6,52	0	0	95,07
30	UBND phường Tam Hiệp	74,44	25,56	0	0	0	94,89
31	UBND xã Xuân Thành	75,56	22,78	1,67	0	0	94,78
32	UBND xã Đại Phước	73,89	25,56	0,56	0	0	94,67
33	UBND xã Phú Nghĩa	75	23,33	1,67	0	0	94,67
34	UBND xã Gia Kiệm	76,67	18,89	4,44	0	0	94,44
35	UBND xã Tân Tiến	81,75	8,73	9,52	0	0	94,44
36	UBND xã Bom Bo	76,11	18,33	5,56	0	0	94,11
37	UBND xã Đồng Tâm	73,48	23,48	3,03	0	0	94,09
38	UBND phường Xuân Lập	73,61	22,92	3,47	0	0	94,03
39	UBND xã Lộc Thạnh	72,22	25,56	2,22	0	0	94
40	UBND xã Trị An	76,67	17,78	4,44	1,11	0	94
41	UBND phường Hàng Gòn	73,81	22,62	2,98	0,6	0	93,93
42	UBND xã Phú Trung	77,78	17,22	2,78	1,11	1,11	93,89
43	UBND phường Phước Tân	77,01	15,52	6,9	0,57	0	93,79
44	UBND xã Xuân Phú	73,33	22	4,67	0	0	93,73
45	UBND xã Tân An	71,11	26,11	2,78	0	0	93,67
46	UBND xã An Phước	74,24	19,7	6,06	0	0	93,64
47	UBND xã Định Quán	70	27,5	2,5	0	0	93,5
48	UBND xã Phước An	74,14	18,97	6,9	0	0	93,45
49	UBND xã Dầu Giây	77,22	12,22	10,56	0	0	93,33
50	UBND phường Tam Phước	72,22	22,78	4,44	0,56	0	93,33
51	UBND xã Long Thành	70	26,67	3,33	0	0	93,33
52	UBND xã Hưng Thịnh	70,97	22,04	6,99	0	0	92,8
53	UBND xã Đồng Phú	67,86	27,38	4,76	0	0	92,62
54	UBND xã Long Phước	68,89	25,56	4,44	1,11	0	92,44
55	UBND xã Nha Bích	66,11	30	3,89	0	0	92,44
56	UBND xã Đak Nhau	61,67	38,33	0	0	0	92,33
57	UBND phường Hố Nai	64,58	32,29	3,13	0	0	92,29

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
58	UBND phường Long Khánh	64,37	32,18	3,45	0	0	92,18
59	UBND xã Sông Ray	63,33	33,89	2,78	0	0	92,11
60	UBND xã Cẩm Mỹ	72,78	20	2,22	5	0	92,11
61	UBND xã Tà Lài	67,78	23,89	7,22	1,11	0	91,67
62	UBND phường Long Hưng	61,67	35	2,78	0,56	0	91,56
63	UBND phường Biên Hòa	56,67	42,22	1,11	0	0	91,11
64	UBND xã Xuân Lộc	71,67	17,22	5,56	4,44	1,11	90,78
65	UBND phường Trảng Dài	59,88	35,19	3,7	1,23	0	90,74
66	UBND xã Trảng Bom	66,11	25	6,11	1,67	1,11	90,67
67	UBND phường Bảo Vinh	62,35	27,78	9,88	0	0	90,49
68	UBND xã Phú Lâm	61,11	30,56	6,94	1,39	0	90,28
69	UBND xã Lộc Ninh	61,81	29,17	7,64	1,39	0	90,28
70	UBND xã Xuân Đường	55,56	37,96	6,48	0	0	89,81
71	UBND xã Đa Kì	55,83	36,67	7,5	0	0	89,67
72	UBND xã Tân Quan	60,83	27,5	10,83	0	0,83	89,5
73	UBND xã Thống Nhất	69,23	17,95	5,13	6,41	1,28	89,49
74	UBND phường Tân Triều	60,56	25,56	13,89	0	0	89,33
75	UBND xã Tân Lợi	51,67	42,78	4,44	1,11	0	89
76	UBND xã Thanh Sơn	45,56	52,22	2,22	0	0	88,67
77	UBND xã Minh Đức	53,92	35,29	10,78	0	0	88,63
78	UBND xã Tân Phú	59,38	27,08	10,42	3,13	0	88,54
79	UBND xã Phú Hòa	66,67	11,11	19,44	2,78	0	88,33
80	UBND phường Long Bình	52,98	36,9	8,93	1,19	0	88,33
81	UBND xã La Ngà	51,75	36,84	11,4	0	0	88,07
82	UBND xã Xuân Định	58,7	26,09	10,87	3,62	0,72	87,68
83	UBND xã Lộc Thành	46,21	44,7	9,09	0	0	87,42
84	UBND xã Lộc Tấn	45,61	45,61	8,77	0	0	87,37
85	UBND phường Bình Phước	51,19	33,93	14,29	0,6	0	87,14
86	UBND xã Phước Sơn	54,02	29,89	13,79	2,3	0	87,13
87	UBND xã Tân Hưng	50	37,22	11,11	1,67	0	87,11
88	UBND xã Tân Khai	61,9	19,05	9,52	2,38	7,14	85,24
89	UBND xã Đak Lua	28,43	64,71	5,88	0	0,98	83,92
90	UBND xã Xuân Quế	31,25	56,25	12,5	0	0	83,75

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
91	UBND xã Phú Riêng	38,89	45,83	9,72	5,56	0	83,61
92	UBND phường Trần Biên	35,9	47,44	13,46	3,21	0	83,21
93	UBND xã Phú Vinh	28,13	48,96	22,92	0	0	81,04
94	UBND xã Thuận Lợi	25	47,22	27,78	0	0	79,44
95	UBND xã Nam Cát Tiên	54,17	20,83	0	16,67	8,33	79,17
Trung bình		69,27	24,43	5,22	0,83	0,25	92,33

PHỤ LỤC 03

Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại cấp Sở năm 2025

(kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	Sở Xây dựng	95,45	4,55	0	0	0	99,09
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	95,45	4,55	0	0	0	99,09
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	90	10	0	0	0	98
4	Sở Nội vụ	83,33	16,67	0	0	0	96,67
5	Sở Tài chính	80	20	0	0	0	96
6	Sở Tư pháp	80	20	0	0	0	96
7	Sở Y tế	78,57	21,43	0	0	0	95,71
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	80	16,67	3,33	0	0	95,33
9	Sở Ngoại vụ	75	25	0	0	0	95
10	Sở Công Thương	82,76	13,79	0	0	3,45	94,48
11	Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế	73,08	23,08	3,85	0	0	93,85
12	Sở Khoa học và Công nghệ	61,54	38,46	0	0	0	92,31
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	50	50	0	0	0	90
Trung bình		78,86	20,32	0,55	-	0,27	95,50

PHỤ LỤC 04**Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại cấp xã năm 2025***(kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)*

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	UBND xã Lộc Quang	100	0	0	0	0	100
2	UBND xã Xuân Bắc	100	0	0	0	0	100
3	UBND xã Long Hà	96,67	3,33	0	0	0	99,33
4	UBND phường Bình Long	96,67	3,33	0	0	0	99,33
5	UBND phường An Lộc	95,65	4,35	0	0	0	99,13
6	UBND phường Phước Bình	93,33	6,67	0	0	0	98,67
7	UBND xã Xuân Hòa	93,33	6,67	0	0	0	98,67
8	UBND xã An Viễn	93,33	6,67	0	0	0	98,67
9	UBND xã Đăk Ô	93,33	6,67	0	0	0	98,67
10	UBND phường Chơn Thành	93,33	6,67	0	0	0	98,67
11	UBND xã Nghĩa Trung	90,48	9,52	0	0	0	98,1
12	UBND phường Đồng Xoài	90	10	0	0	0	98
13	UBND xã Phú Lý	90	10	0	0	0	98
14	UBND xã Phú Nghĩa	90	10	0	0	0	98
15	UBND xã Hưng Phước	89,47	10,53	0	0	0	97,89
16	UBND xã Bình Minh	96,43	0	0	3,57	0	97,86
17	UBND phường Minh Hưng	88,24	11,76	0	0	0	97,65
18	UBND xã Xuân Phú	88	12	0	0	0	97,6
19	UBND xã Lộc Hưng	87,5	12,5	0	0	0	97,5

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
20	UBND phường Xuân Lập	87,5	12,5	0	0	0	97,5
21	UBND xã Gia Kiệm	86,67	13,33	0	0	0	97,33
22	UBND xã Lộc Thạnh	86,67	13,33	0	0	0	97,33
23	UBND xã Thiện Hưng	86,67	13,33	0	0	0	97,33
24	UBND xã Xuân Đông	86,67	13,33	0	0	0	97,33
25	UBND xã Bù Đăng	85,71	14,29	0	0	0	97,14
26	UBND phường Phước Long	85,71	14,29	0	0	0	97,14
27	UBND phường Bình Lộc	84,62	15,38	0	0	0	96,92
28	UBND xã Tân An	83,33	16,67	0	0	0	96,67
29	UBND xã Thọ Sơn	83,33	16,67	0	0	0	96,67
30	UBND xã Bàu Hàm	83,33	16,67	0	0	0	96,67
31	UBND xã Nhơn Trạch	90	6,67	0	3,33	0	96,67
32	UBND xã Phước Thái	83,33	16,67	0	0	0	96,67
33	UBND xã Long Thành	83,33	16,67	0	0	0	96,67
34	UBND xã Bù Gia Mập	92,86	3,57	0	0	3,57	96,43
35	UBND xã Tân Tiến	90,48	0	9,52	0	0	96,19
36	UBND xã Xuân Thành	80	20	0	0	0	96
37	UBND phường Biên Hòa	80	20	0	0	0	96
38	UBND phường Tam Hiệp	80	20	0	0	0	96
39	UBND phường Hàng Gòn	78,57	21,43	0	0	0	95,71
40	UBND xã Bình An	82,61	13,04	4,35	0	0	95,65

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
41	UBND xã Hưng Thịnh	80,65	16,13	3,23	0	0	95,48
42	UBND xã An Phước	81,82	13,64	4,55	0	0	95,45
43	UBND xã Đồng Tâm	77,27	22,73	0	0	0	95,45
44	UBND xã Đại Phước	76,67	23,33	0	0	0	95,33
45	UBND xã Bom Bo	80	16,67	3,33	0	0	95,33
46	UBND phường Phước Tân	82,76	13,79	0	3,45	0	95,17
47	UBND xã Định Quán	75	25	0	0	0	95
48	UBND phường Hồ Nai	75	25	0	0	0	95
49	UBND xã Dầu Giây	80	13,33	6,67	0	0	94,67
50	UBND xã Phú Trung	80	16,67	0	3,33	0	94,67
51	UBND phường Long Khánh	75,86	20,69	3,45	0	0	94,48
52	UBND xã Đồng Phú	71,43	28,57	0	0	0	94,29
53	UBND xã Đak Nhau	70	30	0	0	0	94
54	UBND xã Long Phước	76,67	20	0	3,33	0	94
55	UBND xã Nha Bích	73,33	23,33	3,33	0	0	94
56	UBND xã Trị An	76,67	20	0	3,33	0	94
57	UBND xã Bình Tân	69,23	30,77	0	0	0	93,85
58	UBND xã Phước An	72,41	24,14	3,45	0	0	93,79
59	UBND xã Phú Lâm	66,67	33,33	0	0	0	93,33
60	UBND xã Cẩm Mỹ	80	13,33	0	6,67	0	93,33
61	UBND phường Tam Phước	70	26,67	3,33	0	0	93,33

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
62	UBND phường Long Hưng	70	26,67	3,33	0	0	93,33
63	UBND xã Tà Lài	73,33	20	6,67	0	0	93,33
64	UBND phường Trảng Dài	74,07	22,22	0	3,7	0	93,33
65	UBND xã Sông Ray	66,67	30	3,33	0	0	92,67
66	UBND xã Trảng Bom	73,33	23,33	0	0	3,33	92,67
67	UBND phường Bảo Vinh	74,07	14,81	11,11	0	0	92,59
68	UBND xã Lộc Ninh	66,67	29,17	4,17	0	0	92,5
69	UBND xã Xuân Đường	61,11	38,89	0	0	0	92,22
70	UBND xã Đa Kì	60	40	0	0	0	92
71	UBND phường Tân Triều	70	20	10	0	0	92
72	UBND xã Minh Đức	58,82	41,18	0	0	0	91,76
73	UBND xã La Ngà	63,16	31,58	5,26	0	0	91,58
74	UBND phường Long Bình	64,29	32,14	0	3,57	0	91,43
75	UBND xã Tân Lợi	63,33	33,33	0	3,33	0	91,33
76	UBND xã Thanh Sơn	53,33	46,67	0	0	0	90,67
77	UBND xã Lộc Tấn	57,89	36,84	5,26	0	0	90,53
78	UBND xã Phước Sơn	62,07	31,03	3,45	3,45	0	90,34
79	UBND xã Phú Hòa	66,67	16,67	16,67	0	0	90
80	UBND xã Xuân Lộc	66,67	26,67	0	3,33	3,33	90
81	UBND phường Bình Phước	60,71	28,57	7,14	3,57	0	89,29
82	UBND xã Lộc Thành	54,55	36,36	9,09	0	0	89,09
83	UBND xã Tân Quan	65	25	5	0	5	89

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
84	UBND xã Tân Hưng	63,33	20	13,33	3,33	0	88,67
85	UBND xã Tân Khai	85,71	0	0	0	14,29	88,57
86	UBND xã Đak Lua	41,18	58,82	0	0	0	88,24
87	UBND xã Tân Phú	68,75	12,5	6,25	12,5	0	87,5
88	UBND xã Thuận Lợi	33,33	66,67	0	0	0	86,67
89	UBND xã Thống Nhất	69,23	15,38	0	7,69	7,69	86,15
90	UBND xã Xuân Định	56,52	30,43	4,35	4,35	4,35	86,09
91	UBND xã Xuân Quế	37,5	50	12,5	0	0	85
92	UBND xã Phú Riêng	41,67	50	0	8,33	0	85
93	UBND xã Phú Vinh	31,25	50	18,75	0	0	82,5
94	UBND phường Trần Biên	26,92	57,69	11,54	3,85	0	81,54
95	UBND xã Nam Cát Tiên	75	0	0	0	25	80
Trung bình		75,73	20,51	2,13	0,93	0,70	93,93

PHỤ LỤC 05**Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về thái độ phục vụ công chức, viên chức tại cấp
Sở năm 2025***(kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)*

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	Sở Xây dựng	95.45	4.55	0	0	0	99.09
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	93.33	6.67	0	0	0	98.67
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	86.36	13.64	0	0	0	97.27
4	Sở Y tế	85.71	14.29	0	0	0	97.14
5	Sở Tài chính	84	12	4	0	0	96
6	Sở Ngoại vụ	79.17	20.83	0	0	0	95.83
7	Sở Nội vụ	80.56	16.67	2.78	0	0	95.56
8	Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế	80.77	15.38	3.85	0	0	95.38
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	76.67	20	3.33	0	0	94.67
10	Sở Công Thương	82.76	13.79	0	0	3.45	94.48
11	Sở Khoa học và Công nghệ	65.38	34.62	0	0	0	93.08
12	Sở Tư pháp	65	35	0	0	0	93
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	62.5	37.5	0	0	0	92.5
Trung bình		79.82	18.84	1.07	-	0.27	95.59

PHỤ LỤC 06**Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về thái độ phục vụ công chức, viên chức tại cấp
Xã năm 2025***(kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)*

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	UBND xã Lộc Quang	100	0	0	0	0	100
2	UBND xã Lộc Hưng	100	0	0	0	0	100
3	UBND xã Long Hà	96.67	3.33	0	0	0	99.33
4	UBND phường Bình Long	96.67	3.33	0	0	0	99.33
5	UBND xã Nhơn Trạch	96.67	3.33	0	0	0	99.33
6	UBND phường Minh Hưng	94.12	5.88	0	0	0	98.82
7	UBND phường An Lộc	93.48	6.52	0	0	0	98.7
8	UBND xã An Viễn	93.33	6.67	0	0	0	98.67
9	UBND xã Đăk Ô	93.33	6.67	0	0	0	98.67
10	UBND phường Phước Bình	91.67	8.33	0	0	0	98.33
11	UBND xã Bù Đăng	90.48	9.52	0	0	0	98.1
12	UBND phường Đồng Xoài	90	10	0	0	0	98
13	UBND xã Phú Lý	90	10	0	0	0	98
14	UBND xã Xuân Hòa	90	10	0	0	0	98
15	UBND xã Xuân Đông	90	10	0	0	0	98
16	UBND phường Chơn Thành	90	10	0	0	0	98
17	UBND xã Bàu Hàm	89.58	10.42	0	0	0	97.92
18	UBND phường Phước Long	87.5	12.5	0	0	0	97.5
19	UBND xã Gia Kiệm	86.67	13.33	0	0	0	97.33
20	UBND phường Bình Lộc	86.54	13.46	0	0	0	97.31
21	UBND xã Nghĩa Trung	85.71	14.29	0	0	0	97.14
22	UBND xã Bình Minh	92.86	3.57	0	3.57	0	97.14
23	UBND xã Trị An	85	15	0	0	0	97
24	UBND xã Phước Thái	86.67	11.67	1.67	0	0	97
25	UBND xã Hưng Phước	84.21	15.79	0	0	0	96.84
26	UBND xã Bù Gia Mập	92.86	3.57	0	1.79	1.79	96.79
27	UBND xã Thọ Sơn	81.67	18.33	0	0	0	96.33
28	UBND xã Tân Tiến	90.48	0	9.52	0	0	96.19
29	UBND xã Bình Tân	80.77	19.23	0	0	0	96.15
30	UBND xã Bình An	84.78	10.87	4.35	0	0	96.09

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
31	UBND phường Hàng Gòn	80.36	19.64	0	0	0	96.07
32	UBND xã Xuân Phú	80	20	0	0	0	96
33	UBND xã Xuân Thành	80	20	0	0	0	96
34	UBND xã Thiện Hưng	81.67	16.67	1.67	0	0	96
35	UBND xã Xuân Bắc	80	20	0	0	0	96
36	UBND xã Phú Nghĩa	80	20	0	0	0	96
37	UBND phường Long Khánh	79.31	20.69	0	0	0	95.86
38	UBND phường Xuân Lập	79.17	20.83	0	0	0	95.83
39	UBND xã Tân An	78.33	21.67	0	0	0	95.67
40	UBND xã Nha Bích	78.33	21.67	0	0	0	95.67
41	UBND phường Hồ Nai	78.13	21.88	0	0	0	95.63
42	UBND xã An Phước	81.82	13.64	4.55	0	0	95.45
43	UBND xã Đồng Tâm	77.27	22.73	0	0	0	95.45
44	UBND xã Lộc Thạnh	76.67	23.33	0	0	0	95.33
45	UBND phường Tam Phước	80	16.67	3.33	0	0	95.33
46	UBND xã Bom Bo	80	16.67	3.33	0	0	95.33
47	UBND phường Tam Hiệp	76.67	23.33	0	0	0	95.33
48	UBND xã Long Thành	76.67	23.33	0	0	0	95.33
49	UBND phường Phước Tân	79.31	17.24	3.45	0	0	95.17
50	UBND xã Đồng Phú	75	25	0	0	0	95
51	UBND xã Dầu Giây	81.67	10	8.33	0	0	94.67
52	UBND xã Đại Phước	73.33	26.67	0	0	0	94.67
53	UBND xã Hưng Thịnh	75.81	20.97	3.23	0	0	94.52
54	UBND xã Định Quán	77.5	17.5	5	0	0	94.5
55	UBND xã Phước An	77.59	17.24	5.17	0	0	94.48
56	UBND xã Sông Ray	70	30	0	0	0	94
57	UBND xã Phú Trung	80	16.67	0	0	3.33	94
58	UBND xã Đak Nhau	70	30	0	0	0	94
59	UBND xã Trảng Bom	76.67	18.33	3.33	1.67	0	94
60	UBND xã Long Phước	73.33	23.33	3.33	0	0	94
61	UBND xã Xuân Lộc	81.67	11.67	1.67	5	0	94
62	UBND xã Cẩm Mỹ	78.33	16.67	0	5	0	93.67
63	UBND xã Phú Hòa	83.33	0	16.67	0	0	93.33
64	UBND phường Long Hưng	66.67	33.33	0	0	0	93.33

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
65	UBND phường Trảng Dài	70.37	25.93	3.7	0	0	93.33
66	UBND xã Tà Lài	71.67	21.67	6.67	0	0	93
67	UBND phường Bảo Vinh	72.22	20.37	7.41	0	0	92.96
68	UBND xã Đa Kia	65	32.5	2.5	0	0	92.5
69	UBND xã Phú Lâm	66.67	29.17	4.17	0	0	92.5
70	UBND xã Tân Quan	67.5	27.5	5	0	0	92.5
71	UBND phường Biên Hòa	60	40	0	0	0	92
72	UBND xã Lộc Ninh	64.58	29.17	4.17	2.08	0	91.25
73	UBND xã Xuân Đường	61.11	33.33	5.56	0	0	91.11
74	UBND phường Long Bình	60.71	33.93	3.57	1.79	0	90.71
75	UBND xã Thanh Sơn	53.33	46.67	0	0	0	90.67
76	UBND phường Tân Triều	66.67	20	13.33	0	0	90.67
77	UBND xã Tân Phú	68.75	18.75	9.38	3.13	0	90.63
78	UBND xã Tân Lợi	55	41.67	3.33	0	0	90.33
79	UBND xã Minh Đức	58.82	32.35	8.82	0	0	90
80	UBND xã Thống Nhất	69.23	19.23	3.85	7.69	0	90
81	UBND xã La Ngà	57.89	31.58	10.53	0	0	89.47
82	UBND xã Xuân Định	67.39	15.22	10.87	6.52	0	88.7
83	UBND xã Tân Hưng	51.67	38.33	10	0	0	88.33
84	UBND xã Phước Sơn	55.17	31.03	12.07	1.72	0	87.93
85	UBND xã Lộc Tấn	44.74	50	5.26	0	0	87.89
86	UBND phường Bình Phước	53.57	32.14	14.29	0	0	87.86
87	UBND xã Lộc Thành	50	38.64	11.36	0	0	87.73
88	UBND xã Tân Khai	78.57	7.14	0	0	14.29	87.14
89	UBND xã Phú Riêng	45.83	45.83	0	8.33	0	85.83
90	UBND xã Đak Lua	29.41	67.65	2.94	0	0	85.29
91	UBND xã Xuân Quế	37.5	50	12.5	0	0	85
92	UBND phường Trần Biên	38.46	50	9.62	1.92	0	85
93	UBND xã Phú Vinh	28.13	56.25	15.63	0	0	82.5
94	UBND xã Nam Cát Tiên	75	0	0	12.5	12.5	82.5
95	UBND xã Thuận Lợi	33.33	33.33	33.33	0	0	80
Trung bình		75.10	20.66	3.25	0.66	0.34	93.90

PHỤ LỤC 07
Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng dịch vụ công trực tuyến tại
cấp sở năm 2025
(kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	Sở Xây dựng	95.45	4.55	0	0	0	99.09
2	Sở Y tế	85.71	14.29	0	0	0	97.14
3	Sở Ngoại vụ	83.33	16.67	0	0	0	96.67
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	83.33	13.33	3.33	0	0	96
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	76.67	20	3.33	0	0	94.67
6	Sở Công Thương	75.86	20.69	3.45	0	0	94.48
7	Sở Nội vụ	77.78	16.67	5.56	0	0	94.44
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	72.73	22.73	4.55	0	0	93.64
9	Sở Tài chính	72	24	4	0	0	93.6
10	Sở Khoa học và Công nghệ	61.54	30.77	7.69	0	0	90.77
11	Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế	57.69	34.62	7.69	0	0	90
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo	37.5	62.5	0	0	0	87.5
13	Sở Tư pháp	50	30	10	10	0	84
Trung bình		71.51	23.91	3.82	0.77	-	93.23

PHỤ LỤC 08
Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng dịch vụ công trực tuyến tại
cấp xã năm 2025
(kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	UBND xã Long Hà	96.67	3.33	0	0	0	99.33
2	UBND xã Bù Gia Mập	92.86	7.14	0	0	0	98.57
3	UBND phường An Lộc	91.3	8.7	0	0	0	98.26
4	UBND xã An Viễn	93.33	3.33	3.33	0	0	98
5	UBND xã Xuân Đông	90	10	0	0	0	98
6	UBND xã Lộc Hưng	87.5	12.5	0	0	0	97.5
7	UBND xã Phú Lý	86.67	13.33	0	0	0	97.33
8	UBND xã Bù Đăng	85.71	14.29	0	0	0	97.14
9	UBND xã Bình Minh	85.71	14.29	0	0	0	97.14
10	UBND phường Phước Bình	83.33	16.67	0	0	0	96.67
11	UBND phường Chơn Thành	83.33	16.67	0	0	0	96.67
12	UBND phường Bình Long	83.33	13.33	3.33	0	0	96
13	UBND xã Lộc Quang	80	20	0	0	0	96
14	UBND xã Xuân Bắc	80	20	0	0	0	96
15	UBND xã Phú Nghĩa	80	20	0	0	0	96
16	UBND phường Phước Long	78.57	21.43	0	0	0	95.71
17	UBND xã Bình Tân	76.92	23.08	0	0	0	95.38
18	UBND xã Thọ Sơn	76.67	23.33	0	0	0	95.33
19	UBND xã Đại Phước	76.67	23.33	0	0	0	95.33
20	UBND xã Xuân Hòa	80	16.67	3.33	0	0	95.33
21	UBND xã Bom Bo	80	16.67	3.33	0	0	95.33
22	UBND xã Phước Thái	83.33	13.33	0	3.33	0	95.33
23	UBND xã Gia Kiệm	73.33	26.67	0	0	0	94.67
24	UBND xã Nhơn Trạch	83.33	6.67	10	0	0	94.67
25	UBND xã Thiện Hưng	76.67	20	3.33	0	0	94.67
26	UBND xã Đắc O	80	13.33	6.67	0	0	94.67
27	UBND phường Tam Hiệp	73.33	26.67	0	0	0	94.67
28	UBND phường Phước Tân	79.31	13.79	6.9	0	0	94.48
29	UBND xã Nghĩa Trung	76.19	19.05	4.76	0	0	94.29
30	UBND phường Minh Hưng	76.47	17.65	5.88	0	0	94.12

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
31	UBND xã Phú Trung	76.67	16.67	6.67	0	0	94
32	UBND xã Xuân Thành	73.33	23.33	3.33	0	0	94
33	UBND phường Tam Phước	73.33	23.33	3.33	0	0	94
34	UBND xã Bình An	78.26	13.04	8.7	0	0	93.91
35	UBND phường Bình Lộc	73.08	23.08	3.85	0	0	93.85
36	UBND xã Hưng Phước	73.68	21.05	5.26	0	0	93.68
37	UBND xã Đồng Tâm	72.73	22.73	4.55	0	0	93.64
38	UBND xã Lộc Thạnh	66.67	33.33	0	0	0	93.33
39	UBND phường Đồng Xoài	73.33	23.33	0	3.33	0	93.33
40	UBND xã Xuân Phú	68	28	4	0	0	92.8
41	UBND xã Trị An	73.33	20	3.33	3.33	0	92.67
42	UBND xã Tân Tiến	71.43	19.05	9.52	0	0	92.38
43	UBND xã Thống Nhất	69.23	23.08	7.69	0	0	92.31
44	UBND xã Dầu Giây	70	20	10	0	0	92
45	UBND xã Long Thành	63.33	33.33	3.33	0	0	92
46	UBND xã Phước An	68.97	20.69	10.34	0	0	91.72
47	UBND xã Bàu Hàm	66.67	25	8.33	0	0	91.67
48	UBND phường Xuân Lập	66.67	25	8.33	0	0	91.67
49	UBND xã Hưng Thịnh	67.74	22.58	9.68	0	0	91.61
50	UBND phường Hàng Gòn	67.86	25	3.57	3.57	0	91.43
51	UBND xã Đồng Phú	64.29	28.57	7.14	0	0	91.43
52	UBND xã Tân An	63.33	30	6.67	0	0	91.33
53	UBND xã Long Phước	66.67	26.67	3.33	3.33	0	91.33
54	UBND phường Hồ Nai	56.25	43.75	0	0	0	91.25
55	UBND xã Định Quán	60	35	5	0	0	91
56	UBND xã An Phước	63.64	27.27	9.09	0	0	90.91
57	UBND xã Phú Lâm	58.33	33.33	8.33	0	0	90
58	UBND xã Đak Nhau	50	50	0	0	0	90
59	UBND xã Cẩm Mỹ	66.67	23.33	3.33	6.67	0	90
60	UBND xã Nha Bích	56.67	36.67	6.67	0	0	90
61	UBND xã Tà Lài	63.33	26.67	6.67	3.33	0	90
62	UBND phường Long Khánh	51.72	44.83	3.45	0	0	89.66
63	UBND phường Long Hưng	56.67	36.67	3.33	3.33	0	89.33
64	UBND phường Tân Triều	56.67	30	13.33	0	0	88.67
65	UBND xã Lộc Ninh	58.33	25	16.67	0	0	88.33

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
66	UBND phường Bảo Vinh	51.85	37.04	11.11	0	0	88.15
67	UBND phường Trảng Dài	48.15	44.44	7.41	0	0	88.15
68	UBND xã Sông Ray	50	40	10	0	0	88
69	UBND xã Tân Quan	55	30	15	0	0	88
70	UBND phường Biên Hòa	46.67	46.67	6.67	0	0	88
71	UBND xã Xuân Lộc	66.67	16.67	6.67	10	0	88
72	UBND xã Xuân Định	56.52	30.43	8.7	4.35	0	87.83
73	UBND xã Xuân Đường	50	38.89	11.11	0	0	87.78
74	UBND xã Tân Phú	56.25	25	18.75	0	0	87.5
75	UBND xã Tân Hưng	46.67	43.33	10	0	0	87.33
76	UBND xã Trảng Bom	50	40	6.67	3.33	0	87.33
77	UBND xã Đa Kia	50	35	15	0	0	87
78	UBND xã Tân Lợi	43.33	50	3.33	3.33	0	86.67
79	UBND xã Thanh Sơn	40	53.33	6.67	0	0	86.67
80	UBND phường Bình Phước	46.43	39.29	14.29	0	0	86.43
81	UBND xã Lộc Tấn	42.11	47.37	10.53	0	0	86.32
82	UBND xã Phước Sơn	51.72	27.59	17.24	3.45	0	85.52
83	UBND xã Lộc Thành	40.91	45.45	13.64	0	0	85.45
84	UBND xã La Ngà	42.11	42.11	15.79	0	0	85.26
85	UBND phường Long Bình	42.86	39.29	17.86	0	0	85
86	UBND xã Minh Đức	41.18	41.18	17.65	0	0	84.71
87	UBND xã Đak Lua	29.41	58.82	11.76	0	0	83.53
88	UBND xã Phú Riềng	41.67	33.33	25	0	0	83.33
89	UBND xã Phú Hòa	50	16.67	33.33	0	0	83.33
90	UBND xã Tân Khai	42.86	42.86	0	14.29	0	82.86
91	UBND xã Xuân Quế	25	62.5	12.5	0	0	82.5
92	UBND xã Phú Vinh	25	62.5	12.5	0	0	82.5
93	UBND phường Trăn Biên	30.77	46.15	15.38	7.69	0	80
94	UBND xã Nam Cát Tiên	50	25	0	25	0	80
95	UBND xã Thuận Lợi	16.67	50	33.33	0	0	76.67
Trung bình		64.29	27.85	6.80	1.07	-	91.07

PHỤ LỤC 09
Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết phản ánh, kiến nghị tại
cấp Sở năm 2025
(kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày.....tháng....năm 2026)

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025 (%)
1	Sở Ngoại vụ	75	25	0	0	0	95
2	Sở Xây dựng	72.73	27.27	0	0	0	94.55
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	70	26.67	3.33	0	0	93.33
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	66.67	26.67	6.67	0	0	92
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	68.18	22.73	9.09	0	0	91.82
6	Sở Nội vụ	66.67	22.22	11.11	0	0	91.11
7	Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế	57.69	30.77	11.54	0	0	89.23
8	Sở Y tế	50	42.86	7.14	0	0	88.57
9	Sở Tài chính	52	36	12	0	0	88
10	Sở Khoa học và Công nghệ	53.85	30.77	15.38	0	0	87.69
11	Sở Dân tộc và Tôn giáo	25	75	0	0	0	85
12	Sở Công Thương	48.28	34.48	13.79	0	3.45	84.83
13	Sở Tư pháp	50	20	30	0	0	84
Trung bình		58.16	32.34	9.23	-	0.27	89.63

PHỤ LỤC 10
Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết phản ánh, kiến nghị tại
cấp xã năm 2025
(kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025 (%)
1	UBND xã Long Hà	96.67	3.33	0	0	0	99.33
2	UBND phường An Lộc	95.65	4.35	0	0	0	99.13
3	UBND xã Lộc Hưng	87.5	12.5	0	0	0	97.5
4	UBND xã Phú Lý	86.67	13.33	0	0	0	97.33
5	UBND xã An Viễn	90	6.67	3.33	0	0	97.33
6	UBND xã Bù Đăng	85.71	14.29	0	0	0	97.14
7	UBND xã Bình Minh	89.29	7.14	3.57	0	0	97.14
8	UBND phường Bình Long	86.67	10	3.33	0	0	96.67
9	UBND xã Nhơn Trạch	86.67	10	3.33	0	0	96.67
10	UBND phường Chơn Thành	83.33	16.67	0	0	0	96.67
11	UBND xã Xuân Hòa	80	20	0	0	0	96
12	UBND xã Xuân Bắc	80	20	0	0	0	96
13	UBND xã Phước Thái	83.33	13.33	3.33	0	0	96
14	UBND phường Phước Bình	80	16.67	3.33	0	0	95.33
15	UBND xã Xuân Đông	83.33	10	6.67	0	0	95.33
16	UBND xã Bù Gia Mập	82.14	10.71	3.57	3.57	0	94.29
17	UBND xã Nghĩa Trung	80.95	9.52	9.52	0	0	94.29
18	UBND phường Tam Hiệp	70	30	0	0	0	94
19	UBND xã Bình Tân	76.92	15.38	7.69	0	0	93.85
20	UBND xã Thọ Sơn	66.67	33.33	0	0	0	93.33
21	UBND xã Đại Phước	70	26.67	3.33	0	0	93.33
22	UBND xã Bàu Hàm	66.67	33.33	0	0	0	93.33
23	UBND xã Đăk Ô	80	6.67	13.33	0	0	93.33
24	UBND phường Phước Long	71.43	21.43	7.14	0	0	92.86
25	UBND xã Hưng Phước	68.42	26.32	5.26	0	0	92.63
26	UBND xã Tân Tiến	71.43	19.05	9.52	0	0	92.38
27	UBND xã Bình An	73.91	13.04	13.04	0	0	92.17
28	UBND phường Đồng Xoài	70	20	10	0	0	92
29	UBND xã Lộc Quang	60	40	0	0	0	92
30	UBND xã Định Quán	60	40	0	0	0	92
31	UBND xã Thiện Hưng	70	20	10	0	0	92

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025 (%)
32	UBND xã Đồng Tâm	68.18	22.73	9.09	0	0	91.82
33	UBND xã Phước An	68.97	20.69	10.34	0	0	91.72
34	UBND phường Bình Lộc	61.54	34.62	3.85	0	0	91.54
35	UBND xã Sông Ray	56.67	43.33	0	0	0	91.33
36	UBND xã Xuân Thành	63.33	30	6.67	0	0	91.33
37	UBND xã Hưng Thịnh	64.52	25.81	9.68	0	0	90.97
38	UBND xã An Phước	63.64	27.27	9.09	0	0	90.91
39	UBND phường Hàng Gòn	64.29	25	10.71	0	0	90.71
40	UBND xã Dầu Giây	73.33	6.67	20	0	0	90.67
41	UBND xã Phú Trung	66.67	23.33	6.67	3.33	0	90.67
42	UBND phường Tam Phước	63.33	26.67	10	0	0	90.67
43	UBND xã Nha Bích	53.33	46.67	0	0	0	90.67
44	UBND xã Trị An	70	13.33	16.67	0	0	90.67
45	UBND xã Tà Lài	63.33	26.67	10	0	0	90.67
46	UBND xã Đak Nhau	50	50	0	0	0	90
47	UBND xã Long Phước	60	30	10	0	0	90
48	UBND phường Xuân Lập	62.5	25	12.5	0	0	90
49	UBND xã Phú Nghĩa	60	30	10	0	0	90
50	UBND xã Tân An	56.67	33.33	10	0	0	89.33
51	UBND phường Long Hưng	53.33	40	6.67	0	0	89.33
52	UBND xã Bom Bo	60	26.67	13.33	0	0	89.33
53	UBND xã Long Thành	56.67	33.33	10	0	0	89.33
54	UBND xã Cẩm Mỹ	60	26.67	10	3.33	0	88.67
55	UBND xã Xuân Lộc	66.67	13.33	16.67	3.33	0	88.67
56	UBND xã Đồng Phú	57.14	28.57	14.29	0	0	88.57
57	UBND xã Lộc Ninh	58.33	29.17	8.33	4.17	0	88.33
58	UBND phường Phước Tân	62.07	17.24	20.69	0	0	88.28
59	UBND phường Minh Hưng	52.94	35.29	11.76	0	0	88.24
60	UBND xã Lộc Thạnh	53.33	33.33	13.33	0	0	88
61	UBND xã Xuân Phú	56	28	16	0	0	88
62	UBND xã Thanh Sơn	40	60	0	0	0	88
63	UBND phường Biên Hòa	40	60	0	0	0	88
64	UBND xã Xuân Đường	50	38.89	11.11	0	0	87.78
65	UBND xã Thống Nhất	69.23	15.38	0	15.38	0	87.69
66	UBND phường Hồ Nai	50	37.5	12.5	0	0	87.5
67	UBND phường Bảo Vinh	51.85	33.33	14.81	0	0	87.41

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025 (%)
68	UBND phường Trảng Dài	44.44	48.15	7.41	0	0	87.41
69	UBND xã Tân Lợi	46.67	43.33	10	0	0	87.33
70	UBND xã Lộc Thành	36.36	59.09	4.55	0	0	86.36
71	UBND xã Tân Phú	43.75	43.75	12.5	0	0	86.25
72	UBND xã Xuân Định	43.48	43.48	13.04	0	0	86.09
73	UBND xã Đa Kì	45	40	15	0	0	86
74	UBND phường Long Khánh	41.38	44.83	13.79	0	0	85.52
75	UBND xã Gia Kiệm	50	26.67	23.33	0	0	85.33
76	UBND xã Trảng Bom	56.67	16.67	23.33	3.33	0	85.33
77	UBND phường Tân Triều	50	26.67	23.33	0	0	85.33
78	UBND xã La Ngà	42.11	42.11	15.79	0	0	85.26
79	UBND xã Lộc Tấn	42.11	42.11	15.79	0	0	85.26
80	UBND xã Tân Quan	50	25	25	0	0	85
81	UBND phường Long Bình	42.86	39.29	17.86	0	0	85
82	UBND xã Phước Sơn	48.28	27.59	24.14	0	0	84.83
83	UBND xã Minh Đức	47.06	29.41	23.53	0	0	84.71
84	UBND xã Tân Hưng	40	46.67	10	3.33	0	84.67
85	UBND phường Bình Phước	42.86	35.71	21.43	0	0	84.29
86	UBND xã Phú Lâm	50	25	16.67	8.33	0	83.33
87	UBND xã Phú Hòa	66.67	0	16.67	16.67	0	83.33
88	UBND phường Trần Biên	34.62	50	11.54	3.85	0	83.08
89	UBND xã Tân Khai	42.86	28.57	28.57	0	0	82.86
90	UBND xã Xuân Quế	25	62.5	12.5	0	0	82.5
91	UBND xã Đak Lua	23.53	64.71	11.76	0	0	82.35
92	UBND xã Phú Riêng	33.33	50	8.33	8.33	0	81.67
93	UBND xã Thuận Lợi	16.67	41.67	41.67	0	0	75
94	UBND xã Phú Vinh	18.75	37.5	43.75	0	0	75
95	UBND xã Nam Cát Tiên	25	50	0	25	0	75
Trung bình		60.11	28.76	10.06	1.07	-	89.58

PHỤ LỤC 11**Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng các quy định pháp luật tại cấp Sở năm 2025***(kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)*

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	Sở Xây dựng	81,82	18,18	0	0	0	96,36
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	80	16,67	3,33	0	0	95,33
3	Sở Công Thương	79,31	17,24	3,45	0	0	95,17
4	Sở Ngoại vụ	75	25	0	0	0	95
5	Sở Nội vụ	72,22	27,78	0	0	0	94,44
6	Sở Y tế	71,43	28,57	0	0	0	94,29
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	77,27	13,64	9,09	0	0	93,64
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	73,33	20	3,33	3,33	0	92,67
9	Sở Khoa học và Công nghệ	53,85	38,46	7,69	0	0	89,23
10	Sở Tài chính	52	40	8	0	0	88,8
11	Sở Tư pháp	50	40	10	0	0	88
12	Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế	53,85	30,77	15,38	0	0	87,69
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	37,5	62,5	0	0	0	87,5
Trung bình		65,97	29,14	4,64	0,26	-	92,16

PHỤ LỤC 12**Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng các quy định pháp luật tại cấp xã năm 2025***(kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2026)*

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
1	UBND xã Lộc Hưng	100	0	0	0	0	100
2	UBND xã Long Hà	93,33	6,67	0	0	0	98,67
3	UBND xã Phú Lý	93,33	6,67	0	0	0	98,67
4	UBND phường An Lộc	91,3	8,7	0	0	0	98,26
5	UBND xã An Viễn	90	10	0	0	0	98
6	UBND xã Bình Minh	89,29	10,71	0	0	0	97,86
7	UBND phường Chơn Thành	86,67	13,33	0	0	0	97,33
8	UBND xã Bù Đăng	85,71	14,29	0	0	0	97,14
9	UBND phường Phước Bình	86,67	10	3,33	0	0	96,67
10	UBND phường Bình Long	83,33	16,67	0	0	0	96,67
11	UBND xã Xuân Đông	83,33	16,67	0	0	0	96,67
12	UBND xã Bình An	86,96	8,7	4,35	0	0	96,52
13	UBND xã Nghĩa Trung	85,71	9,52	4,76	0	0	96,19
14	UBND xã Phú Trung	83,33	13,33	3,33	0	0	96
15	UBND xã Xuân Hòa	80	20	0	0	0	96
16	UBND xã Đăk Ô	86,67	6,67	6,67	0	0	96
17	UBND xã Xuân Bắc	80	20	0	0	0	96
18	UBND xã Hưng Phước	78,95	21,05	0	0	0	95,79
19	UBND xã Bù Gia Mập	85,71	10,71	0	3,57	0	95,71
20	UBND phường Phước Long	78,57	21,43	0	0	0	95,71
21	UBND xã Bình Tân	76,92	23,08	0	0	0	95,38
22	UBND phường Bình Lộc	76,92	23,08	0	0	0	95,38
23	UBND phường Đồng Xoài	76,67	23,33	0	0	0	95,33
24	UBND xã Xuân Thành	76,67	23,33	0	0	0	95,33
25	UBND xã Nhơn Trạch	86,67	6,67	3,33	3,33	0	95,33
26	UBND xã Gia Kiệm	76,67	20	3,33	0	0	94,67

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
27	UBND xã Lộc Thạnh	73,33	26,67	0	0	0	94,67
28	UBND xã Đại Phước	73,33	26,67	0	0	0	94,67
29	UBND xã Thiện Hưng	73,33	26,67	0	0	0	94,67
30	UBND xã Phước An	79,31	13,79	6,9	0	0	94,48
31	UBND phường Phước Tân	79,31	13,79	6,9	0	0	94,48
32	UBND xã Thọ Sơn	70	30	0	0	0	94
33	UBND xã Định Quán	70	30	0	0	0	94
34	UBND xã Bom Bo	76,67	16,67	6,67	0	0	94
35	UBND phường Tam Hiệp	70	30	0	0	0	94
36	UBND xã Phước Thái	83,33	6,67	6,67	3,33	0	94
37	UBND xã An Phước	72,73	22,73	4,55	0	0	93,64
38	UBND phường Hàng Gòn	71,43	25	3,57	0	0	93,57
39	UBND xã Dầu Giây	76,67	13,33	10	0	0	93,33
40	UBND xã Tân An	66,67	33,33	0	0	0	93,33
41	UBND xã Bàu Hàm	70,83	25	4,17	0	0	93,33
42	UBND xã Cẩm Mỹ	73,33	23,33	0	3,33	0	93,33
43	UBND xã Tân Tiến	76,19	14,29	9,52	0	0	93,33
44	UBND phường Xuân Lập	66,67	33,33	0	0	0	93,33
45	UBND phường Minh Hưng	70,59	23,53	5,88	0	0	92,94
46	UBND xã Đồng Tâm	68,18	27,27	4,55	0	0	92,73
47	UBND xã Sông Ray	66,67	30	3,33	0	0	92,67
48	UBND xã Trị An	70	23,33	6,67	0	0	92,67
49	UBND xã Xuân Phú	68	24	8	0	0	92
50	UBND xã Đak Nhau	60	40	0	0	0	92
51	UBND xã Lộc Quang	60	40	0	0	0	92
52	UBND xã Phú Nghĩa	60	40	0	0	0	92
53	UBND phường Long Khánh	58,62	41,38	0	0	0	91,72
54	UBND xã Đồng Phú	64,29	28,57	7,14	0	0	91,43
55	UBND xã Long Phước	63,33	30	6,67	0	0	91,33
56	UBND phường Tam Phước	66,67	26,67	3,33	3,33	0	91,33
57	UBND xã Long Thành	63,33	30	6,67	0	0	91,33
58	UBND xã Thống Nhất	69,23	15,38	15,38	0	0	90,77
59	UBND xã Trảng Bom	63,33	33,33	0	0	3,33	90,67

STT	Đơn vị	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Bình thường (%)	Không hài lòng (%)	Rất không hài lòng (%)	Tỷ lệ hài lòng năm 2025
60	UBND phường Biên Hòa	53,33	46,67	0	0	0	90,67
61	UBND phường Long Hưng	56,67	40	3,33	0	0	90,67
62	UBND xã Minh Đức	58,82	35,29	5,88	0	0	90,59
63	UBND xã Phú Lâm	58,33	33,33	8,33	0	0	90
64	UBND xã Tân Quan	60	30	10	0	0	90
65	UBND xã Xuân Lộc	66,67	23,33	6,67	0	3,33	90
66	UBND xã Lộc Ninh	58,33	33,33	8,33	0	0	90
67	UBND xã Tà Lài	63,33	26,67	6,67	3,33	0	90
68	UBND xã Hưng Thịnh	61,29	25,81	12,9	0	0	89,68
69	UBND xã Xuân Đường	50	44,44	5,56	0	0	88,89
70	UBND phường Bảo Vinh	51,85	40,74	7,41	0	0	88,89
71	UBND phường Trảng Dài	51,85	44,44	0	3,7	0	88,89
72	UBND xã Tân Phú	50	43,75	6,25	0	0	88,75
73	UBND phường Hố Nai	50	43,75	6,25	0	0	88,75
74	UBND xã Xuân Định	60,87	21,74	17,39	0	0	88,7
75	UBND phường Tân Triều	53,33	36,67	10	0	0	88,67
76	UBND xã Nha Bích	56,67	30	13,33	0	0	88,67
77	UBND xã Lộc Thành	45,45	50	4,55	0	0	88,18
78	UBND xã Đa Kì	50	40	10	0	0	88
79	UBND xã Tân Lợi	46,67	46,67	6,67	0	0	88
80	UBND xã La Ngà	47,37	42,11	10,53	0	0	87,37
81	UBND phường Bình Phước	50	35,71	14,29	0	0	87,14
82	UBND phường Long Bình	46,43	42,86	10,71	0	0	87,14
83	UBND xã Phú Hòa	50	33,33	16,67	0	0	86,67
84	UBND xã Lộc Tấn	42,11	47,37	10,53	0	0	86,32
85	UBND xã Phước Sơn	51,72	31,03	13,79	3,45	0	86,21
86	UBND xã Tân Hưng	46,67	36,67	13,33	3,33	0	85,33
87	UBND xã Thanh Sơn	33,33	60	6,67	0	0	85,33
88	UBND phường Trăn Biên	46,15	30,77	23,08	0	0	84,62
89	UBND xã Tân Khai	42,86	28,57	28,57	0	0	82,86
90	UBND xã Xuân Quế	25	62,5	12,5	0	0	82,5